

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN
LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 65/2024/DS-ST
Ngày: 30/5/2024
“*Tranh chấp hợp đồng dân
sự về vay tín dụng*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Tấn Kiệt

2. Ông Phù Thọ Bồn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ý là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: **Quỹ tín dụng nhân dân B**

Đại diện theo pháp luật: Ông **Trịnh Văn M**, sinh năm 1955 - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị (vắng mặt).

Địa chỉ: **ấp H, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang**

Người đại diện theo giấy ủy quyền: Bà **Thái Kim H**, sinh năm 1984 – chức vụ: Phó chủ tịch Hội đồng quản trị (có mặt).

Địa chỉ: **ấp R, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang**.

Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị Tiểu N**, sinh năm 1987, (vắng mặt).

Ông **Ngô Văn T**, sinh năm 1987 (vắng mặt).

NKTT: **ấp S, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang**.

Chỗ ở hiện nay: **ấp R, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa đại diện nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân **B** – người đại diện bà **Thái Kim H** trình bày: Ngày 04/9/2020 **Quỹ tín dụng nhân dân B1** có ký kết Hợp đồng thỏa thuận vay vốn số: T20.0287/HĐTD với ông **Ngô Văn T** bà **Huỳnh Thị Tiểu N** cho vay số tiền 30.000.000^d, mục đích vay vốn: Nuôi trồng thủy sản (nuôi tôm), trả góp hàng tháng với số tiền 2.250.000^d, lãi suất trong hạn là 14.00%/năm, lãi quá hạn 21.00%/năm, thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày 04/9/2020 đến ngày 04/9/2023.*

Ngày 11/9/2020 ông **T** bà **N** đã trả cho **Q** tín dụng nhân dân Bình An tiền gốc là 2.250.000^d và tiền lãi 80.500^d, ông **T** bà **N** được cán bộ tín dụng đã nhắc nhở nhiều lần nhưng ông **T** bà **N** không thực hiện trả nợ và vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân **B**.

Nay **Quỹ tín dụng nhân dân B** yêu cầu vợ chồng ông **T** bà **N** trả nợ gốc lãi số tiền 48.436.300^d. (Trong đó, nợ gốc số tiền 27.750.000^d, nợ lãi số tiền 20.686.300^d, lãi tạm tính đến ngày 30/5/2024)

*Bị đơn ông **Ngô Văn T** bà **Huỳnh Thị Tiểu N** hiện nay vẫn còn sinh sống tại **ấp R, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang**. Ông **T** bà **N** thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú vào giờ hành chính nên Tòa án không giao trực tiếp cho ông **T** bà **N** được và Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng. Tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa hôm nay ông **T** bà **N** vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông **T** bà **N**.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Thẩm phán cần khắc phục thời hạn xét xử vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc ông **Ngô Văn T** bà **Huỳnh Thị Tiểu N** trả nợ vay gốc lãi số tiền 48.436.300^d (Trong đó, nợ gốc số tiền 27.750.000^d, nợ lãi số tiền 20.686.300^d,

lãi tạm tính đến ngày 30/5/2024) cho Quỹ tín dụng nhân dân B. Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử xem xét án phí dân sự sơ thẩm và các vấn đề khác theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Ngô Văn T và bà Huỳnh Thị Tiểu N đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Ngô Văn T, bà Huỳnh Thị Tiểu N có nơi cư trú tại: ấp S, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang và chỗ ở hiện nay tại: ấp R, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 04/9/2020 Quỹ tín dụng nhân dân B1 có ký kết Hợp đồng thỏa thuận vay vốn số: T20.0287/HĐTD với ông Ngô Văn T bà Huỳnh Thị Tiểu N cho vay số tiền 30.000.000^d, mục đích vay vốn: Nuôi trồng thủy sản (nuôi tôm), trả góp hàng tháng là 2.250.000^d, lãi suất trong hạn là 14.00%/năm, lãi quá hạn 21.00%/năm, thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày 04/9/2020 đến ngày 04/9/2023. Ngày 11/9/2020 ông T bà N đã thanh toán tiền gốc số tiền 2.250.000^d và tiền lãi số tiền 80.500^d. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn trả nợ vay tín dụng gốc lãi số tiền 48.436.300^d. (Trong đó, nợ gốc số tiền 27.750.000^d, nợ lãi số tiền 20.686.300^d, lãi tạm tính đến ngày 30/5/2024) cho Quỹ tín dụng nhân dân B.

[4] Xét về yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (30/5/2024) là 48.436.300^d, Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định và do bị đơn không thanh toán đầy đủ cho Quỹ tín dụng nhân dân B là đã vi phạm thỏa thuận giữa các bên, đến nay hợp đồng vay tín dụng đã hết thời hạn cho vay, bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ gốc lãi số tiền 48.436.300^d. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông T bà N phải có nghĩa vụ trả nợ vay tín dụng gốc lãi số tiền 48.436.300^d (Trong đó, nợ gốc số tiền 27.750.000^d, nợ lãi

số tiền 20.686.300^d, lãi tạm tính đến ngày 30/5/2024) cho Quỹ tín dụng nhân dân **B** là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

[5] Về tiền lãi: Theo thỏa thuận của hợp đồng thì ông **T** bà **N** phải thanh toán cho **Quỹ tín dụng nhân dân B** nợ gốc và lãi theo cách tính lãi quy định tại hợp đồng, do ông **T** bà **N** không thực hiện nên Quỹ tín dụng nhân dân **Bình A** chuyển toàn bộ số tiền nợ còn lại thành nợ quá hạn và tính lãi theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tiền lãi phát sinh ông **T** bà **N** còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/5/2024 là 20.686.300^d (gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn), được thể hiện theo “Bảng kê tính lãi tính đến ngày 30/5/2024” của nguyên đơn cung cấp là phù hợp với quy định tại Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

[6] Xét về việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ sau ngày 30/5/2024 là ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết số nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[7] *Về án phí*: Án phí dân sự sơ thẩm được giải quyết theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100; Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024. Tuyên xử:

1/ Buộc ông **Ngô Văn T** và bà **Huỳnh Thị Tiểu N** phải có nghĩa vụ trả nợ vay tín dụng gốc lãi số tiền 48.436.300^d (Trong đó, nợ gốc số tiền 27.750.000^d, nợ lãi số tiền 20.686.300^d, lãi tạm tính đến ngày 30/5/2024) cho Quỹ tín dụng nhân dân **B**.

Kể từ sau ngày 30/5/2024 cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ, ông **Ngô Văn T** bà **Huỳnh Thị Tiểu N** phải tiếp tục trả lãi cho **Quỹ tín dụng nhân dân B** theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng thỏa thuận vay vốn số T20.0287/HĐTD tương ứng với số tiền nợ gốc và thời gian chưa thanh toán.

2/ *Về án phí*: Áp dụng Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc ông **Ngô Văn T** bà **Huỳnh Thị Tiểu N** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.421.815^d (Hai triệu, bốn trăm hai mươi một nghìn, tám trăm mười năm đồng).

Hoàn trả lại án phí tạm nộp số tiền 1.090.368^d (Một triệu, không trăm chín mươi nghìn, ba trăm sáu mươi tám đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001783 ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang cho **Quỹ tín dụng nhân dân B**.

3/ **Q1** *kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/5/2024); Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7a; 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- THA dân sự h. Kiên Lương;
- Đương sự;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị M1